

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 12 - 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu và bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Tài Đại Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn Kh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc H, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn Kh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2022, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng từ đó đến nay chưa đăng ký kết hôn do ông H không chịu đăng ký kết hôn. Bà và ông H có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiên H sinh năm 1992 và Trần Thanh H sinh năm 2002; các con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng. Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc do ông H có mối quan hệ lăng nhăng với người phụ nữ khác. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không còn tình cảm với nhau, nên không còn khả năng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do bà và ông H không có đăng ký kết hôn nên không phải là vợ chồng hợp pháp theo pháp luật. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông Trần Ngọc H không phải là vợ chồng, để mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2022, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về quan hệ hôn nhân, con cái và mâu thuẫn vợ chồng. Ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân với bà Th không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy ông đồng ý theo yêu cầu của bà Th để giải thoát cho nhau. Ông và bà Th là vợ chồng chung sống với nhau với nhau từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng tôi theo pháp luật và tuyên bố ông và bà Th không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Th, ông và bà Th có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiên H sinh năm 1992 và Trần Thanh H sinh năm 2002. Hiện các cháu đã thành niên và có cuộc sống riêng ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H là vợ chồng. Về con chung: Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi lao động tự túc được không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Về án phí: bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Ngọc H có địa chỉ cư trú tại Khu phố K, thị trấn Kh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy bà Th và ông H thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng để giải thoát cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; vì vậy hôn nhân này không được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 người con là Trần Nguyễn Thiên H sinh năm 1992 và Trần Thanh H sinh năm 2002; hiện đã trên 18 tuổi lao động tự túc được và có cuộc sống riêng ổn định, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với ông Trần Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H có 02 người con chung là Trần Nguyễn Thiên H sinh năm 1992 và Trần Thanh H sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi lao động tự túc được và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007021 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà Th đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2022).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND TT Khánh Hải;
- Lưu HS + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghiêm